

Mã số SV: 2054102054 Họ và tên: **PHẠM THỊ NHƯ QUỲN**  
 Ngày sinh: 25/04/2002 Nơi sinh: Bình Phước

Ngành: Kiểm toán  
 Khóa học: 2020-2024

Hình thức đào tạo: Đại học chính quy (từ 2016)

Lớp: DH20KK02

STT	Mã môn học	Tên môn học	TC	ĐTH	ĐTK	Hệ 4	D.Chữ
1	GENG0334	Tiếng Anh căn bản 1 (K2019)	3		Miền	Miền	Miền
2	GENG0335	Tiếng Anh căn bản 2 (K2019)	3		Miền	Miền	Miền
3	GENG0336	Tiếng Anh căn bản 3 (K2019)	3		Miền	Miền	Miền
4	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	3		Miền	Miền	Miền
5	EDUC1311	Định hướng học tập	3		7,8	3,0	B
6	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	3		8,2	3,5	B+
7	GENG1339	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2019)	3		7,2	3,0	B
8	GLAW1315	Pháp luật đại cương	3		7,8	3,0	B
9	MATH1315	Xác suất và Thống kê	3		8,1	3,5	B+
10	POLL1304	Triết học Mác - Lênin	3		6,4	2,0	C
11	ACCO1325	Nguyên lý kế toán	3		6,8	2,5	C+
12	COMP1307	Tin học đại cương	3		7,1	3,0	B
13	DEDU0103	Giáo dục quốc phòng và an ninh: Quân sự chung	1		7,7	3,0	B
14	DEDU0202	Giáo dục quốc phòng và an ninh: Công tác quốc phòng và an ninh	2		6,9	2,5	C+
15	DEDU0204	Giáo dục quốc phòng và an ninh: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2		7,9	3,0	B
16	DEDU0301	Giáo dục quốc phòng và an ninh: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3		7,7	3,0	B
17	ECON1301	Kinh tế vi mô	3		7,2	3,0	B
18	FINA2334	Thị trường tài chính	3		7,6	3,0	B
19	GENG1340	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2019)	3		7,2	3,0	B
20	GENG1341	Tiếng Anh Nâng cao 3 (K2019)	3		7,8	3,0	B
21	PEDU0201	GDTC1-THế dục Phát triển chung	1,5		7,5	3,0	B
22	ACCO1326	Kế toán tài chính 1	3		7,9	3,0	B
23	GENG1342	Tiếng Anh Nâng cao 4 (K2019)	3		6,6	2,5	C+
24	GLAW1318	Luật kinh doanh	3		7,6	3,0	B
25	ACCO1301	Kế toán và Doanh nghiệp	3		8,3	3,5	B+
26	ACCO1334	Kế toán tài chính 2	3		8,5	4,0	A
27	FINA1329	Tài chính doanh nghiệp 1	3		8,9	4,0	A
28	GENG1343	Tiếng Anh Nâng cao 5 (K2019)	3		7,6	3,0	B
29	POLL1205	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		8,9	4,0	A
30	ACCO1335	Kế toán tài chính 3	3		7,4	3,0	B
31	ACCO1340	Kế toán chi phí	3		8,3	3,5	B+
32	FINA2343	Thanh toán quốc tế	3		7,3	3,0	B
33	PEDU0205	GDTC 2 (TC) - Vô thuật	1,5		7,0	3,0	B
34	POLL1206	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		8,2	3,5	B+
35	ACCO1336	Kế toán tài chính 4	3		7,9	3,0	B
36	ACCO1339	Hệ thống thông tin kế toán 1	3		6,6	2,5	C+
37	ITEC1323	Phân tích dữ liệu	3		7,8	3,0	B
38	POLL1207	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		7,3	3,0	B
39	ACCO1330	Kế toán quản trị	3		7,1	3,0	B
40	ACCO1332	Kế toán quốc tế 1	3		4,9	1,0	D
41	ACCO1333	Hệ thống thông tin kế toán 2	3		7,8	3,0	B

STT	Mã môn học	Tên môn học	TC	ĐTH	ĐTK	Hệ 4	D.Chữ
42	ACCO1337	Kế toán thuế 1	3		6,5	2,5	C+
43	POLL1208	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		8,9	4,0	A
44	ACCO1329	Kiểm toán 1	3		7,0	3,0	B
45	ACCO1338	Kế toán thuế 2	3		7,7	3,0	B
46	ACCO1346	Kế toán quốc tế 2	3		7,2	3,0	B
47	ACCO1350	Kiểm soát nội bộ	3		7,2	3,0	B

Tổng số tín chỉ đạt (điểm >= 4): **104**

Điểm trung bình toàn khóa (hệ 4): **3**

Điểm thưởng tích lũy:

Điểm trung bình rèn luyện toàn khóa: **86**

Xếp loại rèn luyện: **Tốt**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2023

**TL. Hiệu Trưởng**  
**KI. Trưởng Phòng Quản Lý Đào Tạo**  
**Phó Trưởng Phòng**

**THANG ĐO KẾT QUẢ HỌC TẬP**

Xếp loại	Điểm trung bình chung tích lũy	
	Xuất sắc	3,60 - 4,00
Đạt	Giỏi	3,20 - 3,59
	Khá	2,50 - 3,19
Không đạt	Trung bình	2,00 - 2,49
	Yếu	0 - 1,99

Ghi chú: Điểm Trung bình toàn khóa không bao gồm môn GDTC, GDQP và các môn Tiếng Anh căn bản.